

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/DS-ST

Ngày 27 - 7 - 2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản
giữa bà M và ông T, bà H.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hà

Ông Nguyễn Thế Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Là - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị M, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Thôn Cổ Giã, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Đồng bị đơn: Ông Đỗ Văn T, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1977

Đều trú tại: Xóm N, thôn X (nay là thôn 6), xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đoàn Văn V, sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn Cổ Giã, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định;

Tại phiên tòa bà M, ông V, ông T và bà H đều vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09/3/2022 và trong quá trình tố tụng tại tòa án nguyên đơn bà Đoàn Thị M trình bày: Do bạn bè giới thiệu nên bà quen biết vợ chồng ông T, bà H. Vào ngày 15/9/2020 âm lịch (tức ngày 31/10/2020 dương lịch) vợ chồng bà đã cho vợ chồng ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị H vay số tiền gốc là 60.000.000

đồng mục đích sử dụng việc gia đình. Khi vay hai bên có lập biên bản “Giấy mượn tiền” do bà H viết, thỏa thuận lãi suất 2% 1 tháng, đến ngày 15/12/2020 âm lịch (tức ngày 27/01/2021 dương lịch) vợ chồng ông T, bà H có nghĩa vụ trả đủ cho vợ chồng bà số tiền gốc và lãi. Tuy nhiên, sau nhiều lần đôn đốc nhưng đến nay ông T và bà H vẫn chưa trả cho bà khoản tiền nào. Nên bà làm đơn đề nghị Tòa án xem xét buộc vợ chồng ông T phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền gốc 60.000.000 đồng. Về lãi suất bà tự nguyện yêu cầu ông T, bà H trả cho vợ chồng bà 1% tháng/số nợ gốc tính từ thời điểm vay tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 31/10/2020 đến ngày 27/7/2022) là 21 tháng với số tiền 12.600.000 đồng. Tổng số tiền phải trả là 72.600.000 đồng.

Bị đơn: Tại bản tự khai ngày 25/5/2022 ông Đỗ Văn T trình bày: Khoảng năm 2018 vợ chồng ông có vay của vợ chồng bà M 50 triệu đồng, lãi suất thỏa thuận miệng mỗi tháng vợ chồng ông phải trả cho và M số tiền là 3.700.000 đồng. Vợ chồng ông đã trả được 03 năm tiền lãi và trả toàn bộ tiền gốc tổng số tiền lên đến 300 triệu đồng nhưng khi giao nhận ông bà không lập biên bản nên không có tài liệu để cung cấp cho Tòa án.

Về “Giấy mượn tiền” ngày 15/9/2020 do bà M đọc cho vợ ông là bà Nguyễn Thị H viết với số tiền vay là 60 triệu đồng (trong đó có 50 triệu đồng tiền gốc và 10 triệu đồng tiền lãi chậm trả), trong giấy có ghi lãi suất và thời hạn trả. Thực tế vợ chồng ông đã trả cho bà M số tiền lên đến 300 triệu đồng nên ông không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà M đề nghị Tòa án xem xét.

Bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án triệu tập đến trụ sở Tòa án làm việc nhưng bà không đến, cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Đoàn Văn V nhất trí với trình bày của bà Đoàn Thị M, ông không bổ sung ý kiến nào khác

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng: Bà M, ông V và ông T đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng, bà H đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ theo đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 470 và 357 Bộ luật dân sự; Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị M về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Buộc ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đoàn Thị M và ông Đoàn Văn V 60.000.000 đồng tiền gốc và 12.560.000 đồng tiền lãi. Tổng số tiền phải trả là 72.560.000 đồng.

Về án phí: Ông T và bà H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho bà Đoàn Thị M số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Đoàn Thị M, ông Đoàn Văn V và ông Đỗ Văn T có ý kiến xin giải quyết vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận. Bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ theo đúng quy định. Tại phiên tòa lần thứ 2 bà H vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Ngày 15/9/2020 âm lịch (tức ngày 31/10/2020 dương lịch) ông Đỗ Văn T và vợ là bà Nguyễn Thị H có viết “Giấy mượn tiền” của bà Đoàn Thị M với số tiền gốc là 60.000.000 đồng, mục đích sử dụng việc gia đình. Khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất 02% một tháng và thời hạn trả ngày 15/12/2020 âm lịch (tức ngày 27/01/2021 dương lịch). Trên cơ sở nội dung các bên ký kết thì đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn theo Điều 463, 470 Bộ luật dân sự. Hợp đồng đã được hai bên tự nguyện thỏa thuận, ký kết bởi người có đủ năng lực hành vi dân sự, hình thức và nội dung hợp đồng không vi phạm các điều cấm, không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng vay tài sản này là hợp pháp và là căn cứ pháp lý để các bên thực hiện.

[3] Quá trình thực hiện hợp đồng: Trên cơ sở thỏa thuận giữa các bên, bà Đoàn Thị M đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình giao tiền 60.000.000 đồng, ông T và bà H đã nhận đủ số tiền vay nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận. Nên bà M khởi kiện buộc vợ chồng ông T bà H phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà 60.000.000 đồng tiền gốc. Đối với tiền lãi trong quá trình giải quyết vụ án bà M và ông V tự nguyện yêu cầu ông T bà H có nghĩa vụ trả cho bà 1% một tháng (tương ứng với 12% năm) trên số tiền nợ gốc tính từ thời điểm vay cho đến khi xét xử sơ thẩm là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Ông Đỗ Văn T thừa nhận “Giấy mượn tiền” ngày 15/9/2020 bà M cung cấp cho Tòa án đúng là bà Nguyễn Thị H vợ ông viết, nhưng do bà M ép. Vì khoảng năm 2018 vợ chồng ông có vay của vợ chồng bà M số tiền là 50 triệu đồng, lãi suất thỏa thuận miệng, mỗi tháng vợ chồng ông phải trả cho bà M số tiền là 3.700.000 đồng. Vợ chồng ông đã trả được 03 năm tính cả tiền lãi và tiền gốc với tổng số tiền lên đến 300 triệu đồng, nên ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M. Nhưng ông T không cung cấp được bất cứ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho lời trình bày trên của mình nên không có căn cứ để Tòa án xem xét. Bà Nguyễn Thị H biết việc bà Đoàn Thị M khởi kiện yêu cầu bà và ông T phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà M số tiền gốc và lãi theo thỏa thuận ngày 15/9/2020, nhưng bà không đến

Tòa án để làm việc, cũng không có văn bản trình bày quan điểm về yêu cầu khởi kiện của bà M.

[5] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử thấy: Có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị M. Buộc ông Đỗ Văn T cùng vợ là bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ trả cho bà Đoàn Thị M và chồng là ông Đoàn Văn V số tiền nợ gốc là 60.000.000 đồng, đồng thời phải trả số tiền lãi suất 1%/tháng tính từ thời điểm vay đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 31/10/2020 đến ngày 27/7/2022) là 20 tháng 28 ngày với số tiền $(60.000.000đ \times 1\% / \text{tháng} \times 20 \text{ tháng } 28 \text{ ngày})$ 12.560.000 đồng. Tổng số tiền phải trả tiền gốc và tiền lãi là 72.560.000 đồng phù hợp với quy định tại Điều 466 và 470 Bộ luật dân sự.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà M được chấp nhận nên không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho bà M.

Ông T và bà H liên đới có nghĩa vụ trả nợ nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Tổng số tiền án phí phải nộp là $(72.560.000 \text{ đồng} \times 5\%)$ 3.628.000 đồng, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 470 và Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị M về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị H liên đới có nghĩa vụ trả cho bà Đoàn Thị M và ông Đoàn Văn V 60.000.000 đồng tiền gốc và 12.560.000 đồng tiền lãi. Tổng số tiền phải trả là 72.560.000 đồng (bảy mươi hai triệu, năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

2. Nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền,

hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị H liên đới phải nộp 3.628.000 đồng.

Hoàn trả cho bà Đoàn Thị M số tiền tạm ứng án phí 2.060.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0004607 ngày 14/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Nam Định.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ánh